

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-11-2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Triệu Thị Chín;

2. Bà Sùng Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Sầm Thị Tươi - Thư ký Toà án nhân dân HUYỆN S, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân HUYỆN S, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:

Ông Lù Xuân Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân HUYỆN S, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2019/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh V sinh năm 1983.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện S, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Ly Thị D sinh năm 1984.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

3. Người phiên dịch của bị đơn Ly Thị D là ông Giàng Seo Ch sinh năm 1978.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn L, xã S, HUYỆN S, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2019, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa Anh V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và Chị Ly Thị D tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã L S, HUYỆN S, tỉnh Lào Cai vào ngày 27/7/2002, sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong cuộc sống hàng ngày chị D thường xuyên chửi bới anh vô cớ, anh có khuyên bảo chị D thì chị D cãi lại và chửi anh nhiều hơn, đôi khi bức tức không kiềm chế được bản thân chị D còn đập phá đồ đạc trong nhà, do mâu thuẫn trầm trọng không thể chịu đựng được nên từ tháng 01/2017 anh và các con đã

về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn sinh sống để chị D ở nhà chung của vợ chồng, hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không quan tâm thăm hỏi gì đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh đề nghị Tòa án quyết ly hôn với Chi Ly Thị D để đảm bảo cuộc sống riêng của mỗi người.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con khi ly hôn: Anh và chị D có 02 người con chung là các cháu Thảo Anh T sinh ngày 14/7/2006 và Thảo Huy L sinh ngày 25/01/2012 các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường, từ khi hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay cả hai cháu đang trực tiếp ở cùng với anh. S, TỈNH LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI, tỉnh Lào Cai sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu T và cháu L cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Những tài liệu, chứng cứ anh đã nộp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm: Trích lục kết hôn (D + V); Trích lục khai sinh của các cháu Thảo Anh T và Thảo Huy L; Bản sao chứng thực sổ hộ khẩu gia đình chủ hộ Thảo Seo V; Đơn xác nhận thu nhập, trích lục khai sinh và bản tự khai của Anh V.

2. Đề nghị của bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân (tài liệu trong hồ sơ): Chị D trình bày và đề nghị chị nhất trí với Anh V về thời gian, địa điểm kết hôn còn về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị bị ốm đau, bệnh tật, sức khỏe không được tốt phải đi chữa trị nhiều nơi ảnh hưởng đến kinh tế gia đình nên vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc, nhiều khi chị có nhờ Anh V làm việc nhà nhưng Anh V không làm nên chị tức giận và trách Anh V chứ chị không chửi Anh V vô cớ, thực tế vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay không còn quan tâm đến nhau, Anh V và hai con chung của anh chị đã đến nhà bố mẹ đẻ Anh V sinh sống còn chị một mình ở nhà riêng của vợ chồng, sự việc mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, tuy vậy Anh V cương quyết ly hôn với chị chị không đồng ý ly hôn.

- Về con chung, yêu cầu về nuôi con khi ly hôn: Vợ chồng chị có 02 người con chung là cháu Thảo Anh T sinh ngày 14/7/2006 và Thảo Huy L sinh ngày 25/01/2012 các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường, Anh V cương quyết ly hôn với chị chị không đồng ý, trường hợp mà vợ chồng chị ly hôn thì chị đồng ý để Anh V được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu T và cháu L cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Những tài liệu, chứng cứ do bị đơn xuất trình để chứng minh cho đề nghị của mình là có căn cứ và hợp pháp gồm: Không.

Những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do Tòa án thu thập gồm: Biên bản lấy lời khai của chị D; 02 biên bản ghi ý kiến của con khi bố mẹ ly hôn; biên bản xác minh.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN S phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

3.1. Về việc chấp hành luật tố tụng:

- Việc chấp hành pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm quyền thụ lý giải quyết, việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68 của Bộ luật tố tụng dân sự; việc xác minh, thu thập chứng cứ đúng quy định; về trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại các Điều 195, 196, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, về nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đúng theo quy định tại các Điều 237, 239, 241, 243, 249, 250 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

3.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1,2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho Anh V được ly hôn với Chị Ly Thị D.

- Về nuôi con sau khi ly hôn: Giao cháu Thào Anh T và Thào Huy L cho Anh V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Ly Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không đề cập giải quyết.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

3. 3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh V khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với chị D, chị D có địa chỉ nơi cư trú tại thôn N, xã L, HUYỆN S, tỉnh Lào Cai do vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

HUYỆN S, tỉnh Lào Cai theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tổ tụng dân sự.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt cho nguyên đơn, bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh V và chị D tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã L S, HUYỆN S, tỉnh Lào Cai vào ngày 27/7/2002 vào thời điểm kết hôn anh chị không vi phạm về điều kiện kết hôn, nơi đăng ký kết hôn do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Việc Anh V kiện ly hôn chị D, Tòa án xét thấy:

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thống nhất với nhau trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình, chị D nhờ Anh V làm việc nhà thì Anh V không làm, chị D bị ốm đau, bệnh tật, sức khỏe không được tốt phải đi chữa trị nhiều nơi ảnh hưởng đến kinh tế gia đình và vợ chồng hay cãi chửi nhau, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc; do mâu thuẫn vợ chồng mà anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay mỗi người một nơi không quan tâm đến nhau, việc mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình tham gia khuyên giải nhưng không có kết quả. Do vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho Anh V được ly hôn Chi Ly Thị D là phù hợp.

[3] *Về nuôi con khi ly hôn*: Chị D và Anh V có 02 con chung là cháu Thào Anh T sinh ngày 14/7/2006, cháu Thào Huy L sinh ngày 25/01/2012 cả hai cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, từ khi anh chị sống ly thân hai cháu trực tiếp ở cùng Anh V và do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn Anh V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu T và cháu L cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con; trong trường hợp vợ chồng ly hôn thì chị D đồng ý để Anh V được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Biên bản ghi ý kiến của cháu T và L thì trong trường hợp bố mẹ ly hôn nguyện vọng của các cháu là được ở cùng với bố.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ của đương sự giao nộp, do Tòa án tiến hành thu thập và tại phiên tòa thì Anh V làm nghề trồng trọt tại địa phương thu nhập bình quân hàng tháng của Anh V được 4.500.000 đồng còn chị D cũng làm nghề trồng trọt tại địa phương nhưng hay bị ốm đau thu nhập chỉ đảm bảo cuộc sống riêng của chị. Biên bản lấy lời khai của chị D trình bày việc hai cháu T và L ở với ai tùy thuộc nguyện vọng của cháu, biên bản ghi ý kiến của cháu T và cháu L có nguyện vọng là được ở cùng bố. Xét đến quyền lợi về mọi mặt, sự phát triển về thể chất, tinh thần, về lâu dài và theo nguyện vọng của các cháu nên xử giao cả hai cháu Thào Anh T và Thào Huy L cho Anh V được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình và các quy định khác của pháp luật.

[4] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn*:

Anh V là người khỏe mạnh và là lao động chính thu nhập bình quân một tháng được 4.500.000 đồng còn chị D hay bị ốm đau thu nhập chỉ đảm bảo cuộc sống riêng của mình, mặt khác Anh V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả cháu T và cháu L không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, nên Tòa án giao hai cháu T và cháu L cho Anh V trực tiếp nuôi dưỡng và không buộc chị D phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với thực tế và các quy định của pháp luật.

[5] *Về tài sản chung và quyền, nghĩa vụ chung về tài sản:*

Chị Ly Thị D và Anh V không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Về nghĩa vụ chịu án phí:* Nguyên đơn Anh V phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho Anh V được ly hôn với Chị Ly Thị D

2. *Về nuôi con sau khi ly hôn:* Giao hai cháu Thảo Anh T sinh ngày 14/7/2006 và cháu Thảo Huy L sinh ngày 25/01/2012 cho Anh V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu T và cháu L đủ 18 tuổi. Chị Ly Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn Chị Ly Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Anh V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003788 ngày 25/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự HUYỆN S, tỉnh Lào Cai. Anh V đã nộp đủ tiền án phí.

4. *Quyền kháng cáo đối với bản án:* Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND H. S, TỈNH LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI (2);
- Chi cục THADS H. S, TỈNH LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI, TỈNH LC;
đóng dấu
- UBND xã L S;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

Đã ký và

Trần Bình Trọng

